

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG HÀ NỘI**

Nghiên cứu sinh: Hoàng Xuân Bình

**Mối quan hệ giữa mở cửa thương mại
và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam trong
tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế**

Người hướng dẫn khoa học: GS, TS Hoàng Văn Châu

2011

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu độc lập của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu trong luận án hoàn toàn trung thực và nội dung này chưa được ai công bố trong bất kỳ một công trình nào khác.

Tác giả Luận án

LỜI CẢM ƠN

Tác giả xin được bày tỏ lời cảm ơn sâu sắc đến Giáo sư, Tiến sỹ Hoàng Văn Châu người hướng dẫn khoa học, người đã hướng dẫn và góp ý cho nghiên cứu sinh rất nhiều trong suốt quá trình nghiên cứu để hoàn thành Luận án. Nghiên cứu sinh cũng xin được gửi lời cảm ơn chân thành tới Ban giám hiệu Trường Đại học Ngoại thương, khoa Sau đại học, Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế, Bộ môn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ, Khoa Kinh tế Quốc tế, các bạn đồng nghiệp, các nhà nghiên cứu đã tích cực hỗ trợ, góp ý và giúp đỡ tác giả trong suốt quá trình thực hiện Luận án.

Tác giả cũng xin được cảm ơn gia đình, bố mẹ, vợ và con gái đã động viên khích lệ và giúp đỡ trong suốt quá trình học tập và hoàn thành luận án.

MỤC LỤC

DANH MỤC BIỂU ĐỒ	5
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	7
LỜI MỞ ĐẦU	8
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA MỞ CỬA THƯƠNG MẠI VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	23
1.1. Một số vấn đề cơ bản về mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế	23
1.1.1. Mở cửa thương mại	23
1.1.2. Tăng trưởng kinh tế	27
1.1.2.1. Khái niệm.....	27
1.2. Mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế	31
1.2.1. Mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng thể hiện trong các lý thuyết thương mại.....	32
1.2.2. Mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng thể hiện trong các lý thuyết tăng trưởng kinh tế	37
1.2.3. Kết luận về bản chất của mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế	50
1.3. Kinh nghiệm từ quá trình mở cửa của Trung Quốc	52
1.3.1. Một số nét tương đồng giữa Trung Quốc và Việt Nam.....	52
1.3.2. Một số bài học kinh nghiệm từ quá trình mở cửa của Trung Quốc	53
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG MỐI QUAN HỆ GIỮA MỞ CỬA THƯƠNG MẠI VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ.....	61
2.1. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.....	61
2.1.1. Tình hình kinh tế Việt Nam trước mở cửa kinh tế và sự cần thiết phải mở cửa 1986.....	61
2.1.2. Những mốc chính về mở cửa thương mại trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	62

2.2. Mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.....	68
2.2.1. Quan hệ giữa mở cửa thương mại với thu hút FDI vào Việt Nam...	69
2.2.2. Phân tích thực trạng mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam từ 1986 đến nay	77
2.3 Đánh giá về những tích cực và tồn tại trong mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam.....	98
2.3.1. Những điểm tích cực trong mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam.....	98
2.3.2. Những tồn tại trong mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế đặc biệt từ sau khi Việt Nam gia nhập WTO	103
CHƯƠNG III: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP GIẢI QUYẾT TÍCH CỰC MỐI QUAN HỆ GIỮA MỞ CỬA THƯƠNG MẠI VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI	113
3.1. Quan điểm về mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới.....	113
3.1.1. Quan điểm về mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế	113
3.1.2. Điều kiện tiếp tục thúc đẩy mối quan hệ tích cực giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam trong thời gian tới	119
3.2. Định hướng và giải pháp giải quyết tích cực mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam trong thời gian tới.....	121
3.2.1. Định hướng về mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế	121
3.2.2. Một số giải pháp giải quyết tích cực mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam.....	124
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	145
PHỤ LỤC	154

DANH MỤC BẢNG

STT	Tên	Trang
1.	Bảng 1: Phân tích lợi thế so sánh giữa hai quốc gia	36
2.	Bảng 2: Vốn đầu tư trung bình trên một dự án ở VN: 1988-2008	73
3.	Bảng 3: Kim ngạch XNK và tốc độ tăng bình quân hàng năm (Triệu USD)	101
4.	Bảng 4: Sự thay đổi cơ cấu XK sản phẩm chế biến thời kỳ 1985 – 2005	103
7.	Bảng 5: Cơ cấu tổng sản phẩm quốc nội tính 1990-2007 (% GDP)	108

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

STT	Tên biểu đồ	Trang
1.	Biểu đồ 1: FDI, xuất khẩu và nhập khẩu Việt Nam 1986-2009	74
2.	Biểu đồ 2: Mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế trên thế giới năm 1986	91
3.	Biểu đồ 3: Mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế trên thế giới năm 2007	92
4.	Biểu đồ 4: Mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế các nước đang phát triển năm 2007	93
5.	Biểu đồ 4: Mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế các nước đang phát triển năm 2007	94
6.	Biểu đồ 6: Mối quan hệ giữa tốc độ mở cửa thương mại và tốc độ tăng trưởng GDP ở Việt Nam năm 1970-2007	95
7.	Biểu đồ 7: Mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam năm 1986-2007	96
8.	Biểu đồ 8: Mối quan hệ giữa tốc độ mở cửa thương mại và tốc độ	96

	tăng trưởng GDP ở Việt Nam năm 1986-2007	
9.	Biểu đồ 9: Giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam 1986-2009	97
10.	Biểu đồ 10: Tăng trưởng XK, NK ở Việt Nam 1986-2009	98
11.	Biểu đồ 11:Kim ngạch XK, NK của Việt Nam giai đoạn 1995-2009	100
12.	Biểu đồ 12: Tốc độ tăng trưởng GDP ở Việt Nam từ 1995 đến 2009	101
13.	Biểu đồ 13:Cơ cấu hàng xuất khẩu của giai đoạn 1995-2008 (Đv. %)	102
14.	Biểu đồ 14: Cơ cấu thị trường xuất khẩu của Việt Nam năm 2008	109
15	Biểu đồ 15: Cơ cấu thị trường nhập khẩu năm 2008	109
16.	Biểu đồ 16: Cơ cấu hàng xuất khẩu giai đoạn 1995-2007 (triệu USD Mỹ)	125

DANH MỤC HÌNH

STT	Tên hình	Trang
1.	Hình 1: Hình biểu diễn mô hình tăng trưởng Solow	42
2.	Hình 2: Thay đổi của chi phí bình quân khi có FDI	85

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

XK: xuất khẩu

NK: Nhập khẩu

NXK: Xuất nhập khẩu

NX (Net export): Xuất khẩu ròng

GDP (Gross Domestic Products): Tổng sản phẩm quốc nội

GNP: Gross National Products-Tổng sản phẩm quốc dân

NI: National Income-Thu nhập quốc dân

ICOR (Incremental Capital Output Ratio): tỷ lệ tương quan giữa đầu tư và sản lượng

CPI (Consumer Price Index): chỉ số giá tiêu dùng

PPP (Purchasing Power Parity): Ngang giá sức mua

VAR (vectorautoregression): Hồi quy tự động

FDI (Foreign Direct Investment): Đầu tư trực tiếp nước ngoài

PWT: Pennsylvania University World Table

ASEAN: Asia South East Asian Nations:Các nước Đông Nam Á

NAFTA: North Africa Free Trade Area: Hiệp định tự do Bắc Mỹ

EU: Liên minh Châu Âu

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong hơn 20 năm đổi mới, kể từ khi chính sách mở cửa kinh tế được Đại hội Đảng VI đề ra, nền kinh tế Việt Nam đã chính thức chuyển từ nền kinh tế đóng sang nền kinh tế mở, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thành tựu của nền kinh tế Việt Nam qua 24 năm đổi mới cho ta thấy việc lựa chọn mở cửa kinh tế là hướng đi đúng đắn cho nền kinh tế Việt Nam. Trong suốt hơn 20 năm đổi mới, Việt Nam luôn đạt tốc độ tăng trưởng bình quân trên 7% năm, chỉ số phát triển con người tăng, tỷ lệ nghèo đói giảm đáng kể từ 50% những năm 80 còn 17% năm 2008 (tính theo chuẩn nghèo cũ). Thành tựu đó, không thể không nhắc đến một nhân tố quan trọng đó là việc chúng ta đã tiến hành mở cửa thương mại để tận dụng những lợi thế cả bên trong lẫn bên ngoài. Thực tiễn cho thấy, mỗi khi nền kinh tế có sức cạnh tranh tốt, thì việc mở cửa thương mại đối với bên ngoài sẽ mang lại lợi ích rất lớn cho cả nước xuất khẩu và nhập khẩu. Bên cạnh đó, quá trình mở cửa thương mại cũng giúp Việt Nam nâng cao khả năng thu hút được vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm tăng bổ sung cho nguồn vốn đầu tư trong nước, tăng tích lũy đầu tư cho tăng trưởng. Tuy nhiên, không phải lúc nào mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế cũng mang lại những hiệu quả cao với nền kinh tế.

Trên thực tế, các lý thuyết về thương mại, tăng trưởng kinh tế, cũng như thực tiễn từ quá trình mở cửa thương mại của nhiều quốc gia cho thấy nếu không có sự nghiên cứu và chiến lược mở cửa thương mại rõ ràng, đúng đắn để tận dụng những ảnh hưởng tích cực từ quá trình mở cửa và hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực từ quá trình mở cửa, thì đôi khi chúng ta không thể đạt được những kết quả như mong đợi. Nhiều nghiên cứu của Việt Nam và thế giới cũng từng đề cập và tìm hiểu mối quan hệ này song nhìn chung đều chủ yếu đánh giá vai trò của xuất khẩu, hoặc chỉ đơn giản đánh giá tương quan xuất khẩu với tăng trưởng kinh tế trong thời gian ngắn, chưa có khả năng khái quát, đặc biệt kể từ sau khi Việt Nam gia nhập WTO (1/2007) đến nay, hay những ảnh hưởng từ khủng hoảng kinh tế thế giới 2008 có những yếu tố tác động khó lường đối với nền kinh tế Việt Nam.

Chính vì lẽ đó, việc nghiên cứu mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế, đánh giá mối quan hệ này bằng cả định tính và định lượng dựa trên số liệu trong thời gian đủ dài trở nên rất cần thiết với nền kinh tế Việt Nam cả trên góc độ lý thuyết lẫn thực tiễn. Với ý nghĩa đó, tác giả cho rằng Luận án nghiên cứu mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế có ý nghĩa thực tiễn và khoa học rất cao.

2. Tình hình nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam

Có thể nói vai trò hay tác động của mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế đã được một số nhà nghiên cứu khai thác trên nhiều góc độ cả định tính lẫn định lượng, tuy nhiên chưa có nghiên cứu nào trên thế giới và Việt Nam về mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Tuy nhiên, cũng có một số nghiên cứu về tác động hay vai trò của mở cửa thương mại đối với tăng trưởng kinh tế trên thế giới hay Việt Nam. Mối quan hệ này đã được nghiên cứu nhiều dưới góc độ đa quốc gia từ những năm 70, 80 nhưng càng ngày càng được sử dụng ít dần trong thời gian gần đây do các nhà kinh tế học đang chuyển dần sự chú ý sang phân tích hội quy xuyên quốc gia quy mô lớn.

***Những nghiên cứu đa quốc gia** về quan hệ giữa thương mại và tăng trưởng kinh tế có các *phân tích tình huống của Little, Scitovsky, Scott (1970) và Balassa (1971)*: những nghiên cứu đa quốc gia này tập trung vào kinh nghiệm của một số nước như Argentina, Brazil, Mexico, Ấn Độ, Pakistan, Philippines, Đài Loan, Chile, Malaysia. Hai nghiên cứu cung cấp những bằng chứng tương đối về việc cơ cấu bảo hộ sản phẩm trung gian và cuối cùng ảnh hưởng tới lợi nhuận tương đối của giá trị gia tăng ngành. Ở phương diện này, những phân tích của họ dựa trên những tính toán tỷ lệ bảo hộ hiệu quả (ERP). Sau đây là những kết luận chính của nghiên cứu:-

-Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả ERP chỉ ra rằng mức độ bảo hộ đối với sản xuất giá trị gia tăng là cao hơn rất nhiều so với số liệu trực tiếp về thuế quan nhập khẩu phi danh nghĩa